

Thân Loan Thánh nhân

TỊNH ĐỘ TAM KINH Vãng SANH VĂN LOẠI

淨土三經往生文類

No. 2654

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Tịnh Độ Tam Kinh Vãng Sanh Văn Loại do Thân Loan Thánh nhân biên soạn và được thu tàng trong Đại Chánh Tạng, tập 83, No. 2654.

Cuốn sách này nói tổng quát những điểm chính yếu của ba kinh (Đại Kinh, Quán Kinh và A Di Đà Kinh), ba nguyện (nguyện thứ 18, nguyện thứ 19 và nguyện thứ 20), ba căn cơ (chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ) và ba thứ vãng sanh (nan tư nghị vãng sanh, song thọ lâm hạ vãng sanh và nan tư vãng sanh); lấy nguyện văn và thành tựu văn của ba nguyện làm cốt lõi, trích xuất Kinh văn ‘đồng bản dị dịch’, và chứng minh bằng các văn bản luận thích, để đối chiếu giữa chân thật và phương tiện, hiển thị sự đặc thất của ba thứ vãng sanh.

Đại Kinh vãng sanh tức là Chân thật giáo. Nội dung Chân thật giáo ấy được chia thành Vãng tướng hồi hướng và Hoàn tướng hồi hướng. Vãng tướng hồi hướng cũng được phân thành Chân thật hành, Chân thật tín và Chân thật chứng.

Cuốn sách này giống như “Nhị hồi hướng tứ pháp”¹ và “Chân giả phân phán”² trong tác phẩm Giáo Hành Tín Chứng của Thân Loan. Vì có sự khác biệt giữa những người nguyện sanh Cực Lạc: có người thuần tha lực, có người thuần tự lực, có người nửa tha lực nửa tự lực, nên bản nguyện của Đức Phật A Di Đà cũng từ chân thật mà khai mở phương tiện, để cho những người không thuần tha lực đi từ phương tiện mà quy nhập chân thật, và đó là sự thi thiết đại bi của Đức Phật.

¹ Nhị hồi hướng tứ pháp (二迴向四法): Nhị hồi hướng: Vãng tướng hồi hướng và Hoàn tướng hồi hướng. Tứ pháp: Giáo, Hành, Tín, Chứng.

² Giáo lý của Đại kinh đều là giáo lý “chân thật”, còn giáo lý của Quán Kinh và Tiểu kinh chỉ là “phương tiện” để truyền bá giáo lý của Đại kinh. Cho nên, có hai loại giáo lý Tịnh độ, chân thật (chân) và phương tiện (giả), và đây gọi là “Chân giả phân phán” (真假分判)..

Theo mật ý của bản nguyện ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã giới thiệu ba bộ kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà, để thuyết minh sự khác biệt giữa ba loại vãng sanh, để chỉ ra hai mặt đắc thất của cả nhân và quả, để mọi người xả ly vãng sanh phương tiện mà quy nhập Báo độ chân thật. Do đó, mặc dù cuốn sách này mô tả sự vãng sanh của ba kinh, nhưng nó hướng đến "Nan tư nghị vãng sanh" của Đại Kinh.

Tóm lại, không có gì ngoài chánh nhân “tha lực tín tâm” để đạt được diệu quả “diệt độ”.

Cuốn sách này có một lược bản do Thân Loan Thánh nhân viết khi ngài 83 tuổi và một quảng bản được bổ sung khi ngài 85 tuổi. Bản dịch này y theo quảng bản.

San Francisco, ngày 9 tháng 10 năm 2024

Đệ tử Quảng Minh kính ghi

TỊNH ĐỘ TAM KINH VĂNG SANH VĂN LOẠI

淨土三經往生文類

No. 2654

Thân Loan Thánh nhân soạn

I. Đại Kinh vãng sanh

1. Đại ý

Đại Kinh vãng sanh: Tuyển trích bản nguyện của Như Lai, nguyện hải của [Phật trí] bất khả tư nghị. Ở đây gọi là *Tha lực*. Tha lực chính là nương nguyện nhân “Niệm Phật vãng sanh”³ mà có được nguyện quả “Tất chí diệt độ”⁴; hiện đời an trú địa vị Chánh định tụ, chắc chắn đến được Báo độ chân thật. Đây là nhân chân thật “Vãng tướng hồi hướng”⁵ của A Di Đà Như Lai, để khai ngộ chúng sanh

³ Duy Tín Sao: “Niệm Phật vãng sanh: xưng danh hiệu Đức Phật A Di Đà mà nguyện vãng sanh. Tùy thuận bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là Chánh định nghiệp. Nương vào nguyện lực tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà, nên gọi là Tha lực vãng sanh.”

⁴ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trụ Chánh định tụ, quyết đến Diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁵ Vãng tướng hồi hướng (往相迴向) là nguyện đem công đức đã tu tập mà hồi hướng đạo Bồ đề để được sanh về Tịnh độ. Vãng tướng hồi hướng là căn cứ vào các lời nguyện thứ 17 (hành), 18 (tín) và 11 (chứng) của Đức Phật A Di Đà mà được thành lập. Giáo Hành Tín Chứng, Thân Loan Thánh nhân định nghĩa: “Vãng tướng hồi hướng có đại hành, có đại tín. Đại hành, là xưng danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai. Hành này chính là nhiếp các thiện pháp, đủ cội công đức, mau chóng viên mãn. Chân như nhất thật, công đức bảo hải, nên gọi là đại hành. Nhưng hành ấy xuất sanh từ đại bi nguyện, chính là nguyện mà “chư Phật xưng dương”, là nguyện mà “chư Phật xưng danh”, là nguyện mà “chư Phật tư ta”, cũng gọi là nguyện của “vãng tướng hồi hướng”, cũng gọi là nguyện của “tuyển trích

Vô thượng Niết bàn. Lấy đây làm tông chỉ của Đại Kinh, nên gọi là “Đại Kinh vãng sanh”, cũng gọi là “Nan tư nghị vãng sanh”⁶.

2. Vãng tướng hồi hướng

2.1 Chân thật hành

Vãng tướng hồi hướng của Như Lai, có “Chân thật hành nghiệp”, tức là hiển thị bi nguyện của ‘chư Phật xưng danh’ (nguyện thứ 17).

Về bi nguyện của ‘chư Phật xưng danh’, Kinh Vô Lượng Thọ nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

Thành tựu văn của bi nguyện ‘Xưng danh’ (nguyện thứ 17) và ‘Tín lạc’ (nguyện thứ 18) trong Đại Kinh (quyển hạ) có ghi:

“Hằng sa chư Phật Như Lai mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của Đức Vô Lượng Thọ Phật. Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tin ưa vui mừng, nhĩn đến phát một niệm chí tâm hồi hướng nguyện cầu sanh về nước ấy, thì liền được vãng sanh ở bậc Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp.”

xưng danh”. Về “chư Phật xưng danh nguyện”, Đại Kinh nói: ‘Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.’(nguyện thứ 17)”

⁶ Nan tư nghị vãng sanh (難思議往生): Chỉ cho sự vãng sanh khó nghĩ bàn, tức nhờ lòng tin vào hồng nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà mà được vãng sanh, là 1 trong 3 thuyết vãng sanh của Tịnh độ Chân tông Nhật bản. Do lòng tin vào tha lực hồi hướng được sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của Đức Phật A Di Đà, đó chẳng phải là việc mà phàm phu nói bàn, suy nghĩ có thể biết được, cho nên gọi là Nan tư nghị vãng sanh. Tông này còn lập ra 2 thuyết vãng sanh khác: (1) Nan tư vãng sanh: Nhờ nhân tự lực niệm Phật mà được sanh vào Nghi thành Thai cung (疑城胎宮) ở chỗ biên giới cõi Tịnh độ, tức là Hóa độ của Đức Phật A Di Đà, được hưởng vô lượng sự an lạc chẳng thể nghĩ bàn, theo như lời nguyện thứ 20 của Ngài. Vì loại tự lực vãng sanh này không thù thắng bằng tha lực vãng sanh đã nói ở trên, cho nên gọi là Nan tư. (2) Song thọ lâm hạ vãng sanh: Lấy việc hóa thân của Đức Thích Ca nhập diệt ở rừng Sa la song thọ để ví dụ sự vãng sanh về cõi Phương tiện hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ 19 của Ngài. [X. Chuyển kinh hành đạo nguyện vãng sinh Tịnh độ pháp sự tán, quyển thượng; Giáo hành tín chứng, quyển 6].

2.2 Chân thật tín

Lại có “Chân thật tín tâm”, tức là hiển thị bi nguyện của ‘Niệm Phật vãng sanh’ (nguyện thứ 18).

Về bi nguyện của ‘Chí tâm tín lạc’, Đại Kinh (quyển thượng) có ghi:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương mà chí tâm tín lạc, muốn sinh về nước tôi, nhĩn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp.” (nguyện thứ 18)

Đồng bản dị dịch [với Đại Kinh], Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi chứng đắc Vô thượng giác, ở các cõi Phật khác có hữu tình loại nghe danh hiệu tôi, được bao thiện căn, dốc lòng hồi hướng, nguyện ainh nước tôi, nhĩn đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo nghiệp ác vô gián, phỉ báng chánh pháp và các bậc Thánh.”

2.3 Chân thật chứng

Lại có “Chân thật chứng quả”, tức là hiển thị bi nguyện của “Tất chí diệt độ”.

Về bi nguyện của ‘Chứng quả’, Đại Kinh nói:

*“Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng an trú [chánh] định tụ, quyết đến diệt độ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*⁷

Đồng bản dị dịch [với Đại Kinh], Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, hữu tình trong nước tôi, chẳng nhất định thành Đẳng chánh giác, chứng Đại Niết bàn, thì tôi chẳng lấy ngôi Bồ đề.”

Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

⁷ Nguyện thứ 11.

“Nơi Phật độ ở phương khác, có chúng sanh nào nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, cho đến phát khởi một niệm tịnh tín, ưa thích vui mừng, có thiện căn gì đều hồi hướng nguyện sanh quốc độ của Đức Phật Vô Lượng Thọ, tùy nguyện được sanh về, chứng đắc Bất thối chuyển, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ đề, trừ năm tội vô gián, hủy báng chánh pháp và chê bai bậc Thánh.”

Thành tựu văn của lời nguyện ‘tất chí diệt độ, chúng Đại niết bàn’ trong Đại Kinh (quyển hạ) chép:

“Có chúng sanh nào sanh về cõi nước Cực Lạc ấy thì đều ở bậc chánh định tự cả. Tại sao vậy? Vì nước ấy không có hạng tà tự và bất định tự.”

Lại nữa, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Chúng sanh sẽ sanh cõi nước ấy, tất cả đều là rốt ráo thành tựu Vô thượng Bồ đề đến Niết bàn xứ. Vì sao? Nếu là tà định tự và bất định tự, thì không thể biết rõ nhân duyên kiến lập thế giới Cực Lạc.”

Người nào có được ‘chân thật xưng danh’ và ‘chân thật tín lạc’ thì quyết định an trú địa vị Chánh định tự. Nói ‘an trú địa vị Chánh định tự’ nghĩa là ‘thành Đẳng chánh giác’. Nói ‘Đẳng chánh giác’ tức là nói ‘đồng địa vị Bồ xứ của Bồ tát Di Lạc’. Thế nên, Đại Kinh nói: “Vị thứ ngang hàng với Bồ tát Di Lạc”⁸.

Tịnh Độ Luận nói:

“Công đức thành tựu về Diệu thanh trang nghiêm: Kệ tụng: ‘Phạm thanh ngộ sâu xa, Vì diệu nghe mười phương.’ Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Kinh nói: ‘Nếu người nào chỉ nghe quốc độ kia thanh tịnh an lạc,

⁸ Thứ như Di Lạc (次如彌勒). Kinh Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo Di Lạc: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bất thối Bồ tát vãng sanh về quốc độ kia. Mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, vị thứ ngang hàng với Bồ tát Di Lạc vậy. (Phật cáo Di Lạc, ư thứ thế giới, hữu lục thập thất ức bất thối bồ tát, vãng sanh bỉ quốc. Nhất nhất bồ tát dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thứ như Di Lạc giả dã. 佛告彌勒: 於此世界, 有六十七億不退菩薩, 往生彼國. 一一菩薩已曾供養無數諸佛, 次如彌勒者也.)

khắc niệm nguyện sinh, cũng được vãng sinh, liền nhập chánh định tụ. Đây là tên gọi quốc độ⁹ làm Phật sự, sao có thể nghĩ bàn được?

Công đức thành tựu về Trang nghiêm quyền thuộc: Kệ tụng: **‘Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sinh’**¹⁰. Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Hễ là sanh tạp nhiễm¹¹ nơi các thế giới: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hay hóa sanh, quyền thuộc bao nhiêu, khổ vui vạn phẩm, đều vì nghiệp tạp nhiễm [và phiền não tạp nhiễm]. Ở quốc độ An Lạc kia, không ai không phải là chánh giác tịnh hoa hóa sanh của A Di Đà Như Lai, đồng một câu niệm Phật, không con đường nào khác. Nó kéo dài suốt cả thế giới này, để tất cả người tu niệm trong bốn biển đều là anh em một nhà. Quyền thuộc nhiều vô số, sao có thể nghĩ bàn được?”¹²

Lại nói:

“Người nguyện vãng sanh vốn là chín phẩm, nay không có một hai sai khác, cũng như sông Tri và sông Hằng [mỗi sông] một vị¹³, sao có thể nghĩ bàn được?”¹⁴

⁹ Kinh A Di Đà nói: “Này Xá Lợi Phất, quốc độ ấy vì sao tên là Cực Lạc? Bởi vì dân chúng trong nước ấy không có mọi sự khổ não, chỉ hưởng yên vui, cho nên cõi ấy được gọi là Cực Lạc.”

¹⁰ Như Lai là Đức Phật A Di Đà. Thanh chúng vãng sinh quốc độ Cực Lạc đều là hóa sinh trong hoa sen, thanh tịnh trang nghiêm, nên gọi là Tịnh hoa chúng. Tịnh hoa và Chánh giác hoa là cùng một ý.

¹¹ Sanh tạp nhiễm: Cũng gọi Khổ tạp nhiễm. Do phiền não tạp nhiễm và nghiệp tạp nhiễm mà có sinh, do có sinh nên có khổ, lại thêm các cái khổ như già, bệnh, chết, khổ vì yêu thương mà chia lìa, khổ vì mong cầu mà không được, khổ vì oán ghét nhau mà cứ phải gặp gỡ, v.v. tất cả đều làm cho chân tánh ô nhiễm, mất hết sự thanh tịnh.

¹² Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838a13-b05.

¹³ Sông Tri và sông Hằng đều nằm ở tỉnh Sơn Đông, tương truyền mùi vị nước của hai con sông này khác nhau, hỗn hợp lại thì khó phân biệt. Đó là một phép ẩn dụ cho hai điều rất khác nhau về bản chất.

¹⁴ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên Sinh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838b22. Chư hành vạn sai, công đức không đồng, tùy công đức lớn nhỏ mà có phẩm vị cao thấp. Niệm Phật là bình đẳng nhất như, đồng xưng danh hiệu A Di Đà, đồng nương nguyện lực A Di Đà, nhân đã không khác thì quả cũng không khác. Tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo là, ‘ngũ thừa tề nhập’ (五乘齊入) và ‘Đồng nhân, đồng hành chí Bồ-đề’ (同因同行至菩提). Trong Tịnh độ tam kinh, khi chánh thuyết ‘niệm Phật’ thì đều không có phẩm vị. Ngang qua Nguyên thứ 18, Nguyên thứ 18 thành tựu văn, Phó chúc Di Lạc văn của Kinh Vô Lượng Thọ; Phó chúc văn của Quán Kinh, và văn kinh của Kinh A Di Đà, đều nói về các hành xứ, mới nói đến bối phẩm. Các hành có bối phẩm, còn niệm Phật không có bối phẩm. Nếu không nói niệm Phật vãng sinh có phẩm vị, thì rõ ràng nó không có phẩm vị. Và mục (5) và mục (6) chứng minh cho điều này.

Lại nói:

“Công đức thành tựu Trang nghiêm thanh tịnh: Kệ tụng: ‘Quán tướng thế giới kia, Thắng hơn Tam giới đạo.’ Công đức thành tựu ở đây vì sao không thể nghĩ bàn? Có người phàm phu mà phiền não thành tựu, cũng được sanh về tịnh độ kia. Những nghiệp trói buộc của Tam giới hoàn toàn không lôi kéo họ được, đó là không đoạn phiền não mà được phần Niết bàn, sao có thể nghĩ bàn được?”

2.4 Tiểu kết

Ở đây gọi là ‘Vãng tướng hồi hướng’ của Tuyền trạch bản nguyện của A Di Đà Như Lai. Ở đây gọi là Nan tư nghị vãng sanh. Lãnh giải được điều này, thì nên biết rằng “Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa.”¹⁵

3. Hoàn tướng hồi hướng

Về Hoàn tướng hồi hướng, Tịnh Độ Luận nói:

*“Đem bản nguyện lực mà hồi hướng. Đó là Xuất đệ ngũ môn.”*¹⁶

Đây là Hoàn tướng hồi hướng, tức là hiển thị bi nguyện “Nhất sanh bổ xứ”.

Về nguyện ‘đại từ đại bi’, Đại Kinh nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở Phật độ phương khác sanh về nước tôi, rớt ráo ắt phải đến bậc Nhất sanh bổ xứ, trừ người có bản nguyện tự tại, vì chúng sanh mà mặc giáp hoằng thệ, tích lũy cội đức, độ thoát tất cả, đi qua các Phật quốc tu Bồ tát hạnh, cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến họ đứng nơi đạo Vô thượng Chánh chân, siêu

¹⁵ Mật Đăng Sao: “Hơn nữa, Tha lực lấy vô nghĩa làm nghĩa. Vô nghĩa, là cái tâm kế đặc của của hành giả. Bản nguyện của Như Lai thì bất khả tư nghị, siêu việt lãnh vực nhận thức của phàm phu, chỉ có chư Phật mới hiểu được. Phật trí thì bất khả tư nghị, Không có ai, kể cả Bồ tát Di Lặc, bậc Nhất sanh bổ xứ, có thể nắm bắt được sự bất khả tư nghị của Phật trí.”

¹⁶ Tịnh Độ Luận: “Xuất đệ ngũ môn: Với tâm đại từ bi, Bồ tát quán sát tất cả chúng sanh khổ não, thị hiện Ứng hóa thân, trở vào trong vườn sanh tử, rừng phiền não, thần thông du hý, đạt đến Giáo hóa địa, đem bản nguyện lực mà hồi hướng. Đó là Xuất đệ ngũ môn.”

xuất công hạnh của các địa thông thường, hiện tiền tu tập công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

4. Tổng kết

Nương hai thứ hồi hướng của Như Lai, người có được ‘chân thật tín lạc’ thì chắc chắn an trú địa vị Chánh định tụ, mà nói là Tha lực. Thế nên, Tịnh Độ Luận nói:

“Thế nào là hồi hướng? Không bỏ tất cả chúng sanh khổ não, tâm thường tác nguyện, hồi hướng làm đầu, vì được thành tựu tâm đại bi.”

Lấy đây làm tông chỉ của Kinh Vô Lượng Thọ. Ở đây nói là “Nan tư nghị vãng sanh”.

II. Quán Kinh vãng sanh

Quán Kinh vãng sanh: Y theo lời nguyện “Tu chư công đức”, thể nhập lời thệ “Chí tâm phát nguyện”¹⁷, hồi hướng điều thiện mà mình làm theo ‘vạn thiện chư hành’, hân mộ Tịnh độ. Thế nên, Kinh Quán Vô Lượng Thọ thuyết minh về ‘chư thiện của định thiện tán thiện và tam phước cứu phẩm’, hoặc là tự lực ‘xưng danh niệm Phật’, khích lệ ‘cửu phẩm vãng sanh’, lấy đây làm tông chỉ “Tự lực trong tha lực”, mà gọi đó là *Quán Kinh vãng sanh*. Đây đều là sự vãng sanh của “Phương tiện hóa độ”, còn gọi là “Song thọ lâm hạ vãng sanh”¹⁸.

¹⁷ Tu chư công đức nguyện (修諸功德願), Lâm chung hiện tiền nguyện (臨終現前願), Hiện tiền đạo sanh nguyện (現前導生願), Lai nghinh dẫn tiếp nguyện (來迎引接願), Chí tâm phát nguyện nguyện (至心發願願). Đó là nguyện thứ 19: “Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát tâm Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

¹⁸ Song thọ lâm hạ vãng sanh (雙樹林下往生): Dưới rừng Song thọ vãng sanh. Lấy việc hóa thân của Phật Thích Ca nhập Niết bàn ở rừng Sa la song thọ để ví dụ về sự vãng sanh cõi Phương tiện hóa độ của Đức Phật A Di Đà, theo lời nguyện thứ 19 của Ngài. Trong Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sự Tán, quyển thượng, Đại sư Thiện Đạo nói có ba cái vui: Nan tư nghị vãng sanh lạc (Khó nghĩ bàn vãng sanh vui), Song thọ lâm hạ vãng

Về lời nguyện “Tất chí diệt độ”, Đại Kinh nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước tôi, khi thọ mạng sắp hết, nếu như tôi chẳng cùng đại chúng vây quanh, hiện ra trước mặt người ấy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh giác.”

Lại nữa, Kinh Bi Hoa, phẩm Bồ Tát Bản Thọ Ký¹⁹ nói:

“Nguyện khi tôi thành ngôi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, ở vô lượng vô biên a tăng kỳ thế giới chư Phật khác, có chúng sanh nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tu các thiện căn, muốn sanh về cõi tôi, khi họ lâm chung, tôi sẽ cùng đại chúng vây quanh ở trước mắt người đó. Người đó thấy tôi, liền được tâm hoan hỷ với tôi. Nhờ được thấy tôi nên lìa các chương ngại, lập tức xả thân mạng, sanh đến cõi tôi.”

Thành tựu văn của lời nguyện “chí tâm phát nguyện” trong Đại Kinh (quyển hạ) nói:

“Phật bảo A Nan: - Chư thiên loài người ở trong thế giới mười phương, nếu chí tâm nguyện sanh về Cực Lạc thì có ba bậc: Bậc thượng là người bỏ nhà lìa dục, làm bậc sa môn, phát Bồ đề tâm, một lòng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức, nguyện sanh nước đó. Những chúng sanh này đến lúc lâm chung, Đức Phật Vô Lượng Thọ và các thánh chúng hiện ra trước mắt người ấy, ... Do đó, A Nan, nếu có chúng sanh muốn ngay đời này thấy Đức Phật Vô Lượng

sanh lạc (Dưới rừng Song thọ vãng sinh vui) và Nan tư vãng sanh lạc (Khó nghĩ vãng sanh vui). Do Phật lực ‘nan tư nghị’ của nguyện thứ 18 mà có được lợi ích nan tư nghị ‘tất chí diệt độ’ của nguyện thứ 11, nên gọi là Nan tư nghị vãng sanh, còn gọi là Đại Kinh vãng sinh. Y theo nguyện thứ 19, tu tự lực định tán chư hành, được lợi ích sanh về hóa độ Cực Lạc, như hóa thân Phật là Đức Thích Ca ở thành Câu thi na, dưới rừng Song lâm mà nhập diệt, nên gọi là Song thọ lâm hạ vãng sanh, còn gọi là Quán Kinh vãng sinh. Y theo nguyện thứ 20, bỏ các hạnh khác, chuyên cần tự lực niệm Phật, được vãng sanh tịnh độ, khoảng năm trăm năm, thai tạng nơi hoa sen, không thấy nghe Tam bảo, nên gọi là Nan tư vãng sanh, còn gọi là A Di Đà Kinh vãng sanh.

¹⁹ Kinh Bi Hoa (悲華經), No. 157, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm dịch. Chánh văn ghi là ‘Đại Thí phẩm’ [thứ 3], nhưng đoạn trích dẫn ở phẩm Bồ Tát Bản Thọ Ký thứ 4, tr. 184b13.

Thọ, thì nên phát tâm Vô thượng Bồ đề, tu hành công đức, nguyện sanh về nước kia.

Phật bảo A Nan: Bạc trung là chư thiên loài người ở trong thế giới mười phương, chỉ tâm nguyện sanh về Cực Lạc, tuy không thể hành tác sa môn, tu công đức lớn, nhưng lại phát tâm Vô thượng Bồ đề, một lòng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu thiện nhiều ít, giữ gìn trai giới, xây dựng chùa tháp, tô đắp tôn tượng, cúng dường sa môn, thắp đèn treo phan, rải hoa đốt hương, đem công đức này hồi hướng nguyện sanh về cõi nước kia. Người này lâm chung sẽ được Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân Ngài, quang minh tướng hảo đầy đủ như Đức Phật chân thật, cùng với đại chúng hiện ra trước mắt người ấy.

Phật bảo A Nan: Bạc hạ là chư thiên loài người ở trong thế giới mười phương, chỉ tâm nguyện sanh về Cực Lạc, giả như không làm được các thứ công đức mà lại phát tâm Vô thượng Bồ đề, một lòng chuyên niệm, nhẫn đến mười niệm, niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sanh về cõi nước đó, hoặc nghe cái pháp sâu xa, hoan hỷ tín lạc, không sanh nghi hoặc, nhẫn đến một niệm, nghĩ nhớ Đức Phật kia, bằng tâm chí thành, nguyện sanh về cõi nước kia. Những người này khi sắp mạng chung, mộng thấy Đức Phật kia, cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ của những người này kém hơn hạng người bạc trung.”

Đại Kinh nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi, nhẫn đến người ít công đức, mà chẳng thấy biết cây đạo tràng màu sáng vô lượng, cao bốn trăm vạn dặm thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

Thành tựu văn của ‘đạo tràng thọ nguyện’ trong Đại Kinh ghi:

“Lại còn cây đạo tràng của Đức Phật Vô Lượng Thọ cao bốn trăm vạn dặm. Góc cây đạo tràng ấy chu vi năm ngàn do tuần, nhánh lá rợp bốn phía hai mươi vạn dặm. Cây ấy do tất cả những thứ báu tự nhiên hiệp thành, trang nghiêm với vua châu báu, nguyệt quang ma ni trì hải luân bảo. Quanh khắp trong các

cành cây, thông rũ những chuỗi ngọc trăm ngàn muôn màu biến dị nhiều cách, vô lượng quang minh chiếu sáng vô lượng. Lưới báu trên diệp giăng che trên cây. Tất cả sự trang nghiêm theo đúng lúc mà hiện. Gió nhẹ hơi động thổi qua các cây báu diễn xuất vô lượng âm thanh nói pháp vi diệu, âm thanh ấy vang đến khắp quốc độ của chư Phật. Ai tai nghe âm thanh ấy thì được thâm pháp nhãn trụ bậc Bất thối chuyển đến thành Phật đạo, nhĩ căn trong suốt chẳng bị bệnh khổ. Ai mắt thấy, mũi biết, lưỡi hay, thân chạm, tâm rõ âm thanh quang minh ấy thì đều được thâm pháp nhãn trụ bậc Bất thối chuyển đến thành Phật đạo, sáu căn trong suốt không có những bệnh khổ.”

Vãng Sanh Yếu Tập²⁰, do Đại sư Nguyên Tín²¹ soạn, dẫn lời giải thích của thiền sư Hoài Cảm:

“Hỏi: Kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển hai²², nói: ‘Về phương Tây, cách cõi Diêm phù đề này mười hai ức na do tha có cõi nước tên là Giải Mạn, [dân trong quốc độ ấy ưa thích ca hát; y phục, trang sức, hương hoa, trang hoàng giường cửa

²⁰ Vãng Sanh Yếu Tập (往生要集), 3 quyển (hoặc 6 quyển), do vị Tăng Nguyên Tín (Huệ Tâm Tăng Đô, 惠心僧都) soạn, thu tàng Đại chánh tạng, tập 84. Nội dung sách gom tập những yếu nghĩa vãng sanh trong hơn một trăm sáu mươi bộ kinh, luận, chú sớ để trình bày tư tưởng Tịnh độ. Sách được soạn thảo lần đầu tại Thủ Lăng Nghiêm Viện ở Hoàng Xuyên, núi Tỷ Duệ vào tháng 11 năm Vĩnh Quán thứ hai (984), và hoàn thành vào tháng 4 năm sau. Nội dung của quyển sách này được chia thành mười môn: (1) Yếu lý uế độ, (2) Hân cầu tịnh độ, (3) Cực Lạc chứng cứ, (4) Chánh tu niệm Phật, (5) Trợ niệm phương pháp, (6) Biệt thời niệm Phật, (7) Niệm Phật lợi ích, (8) Niệm Phật chứng cứ, (9) Vãng sanh chư nghiệp, (10) Vấn đáp liệu giản. Trong đó, chánh tu niệm Phật môn trình bày phương pháp thật tiến niệm Phật, bao gồm ngũ niệm môn: lễ bái, tán thán, tác nguyện, quán sát, hồi hướng. Phương pháp tu hành niệm Phật cụ thể được mô tả trong Quán sát môn có thể được coi là trung tâm của cuốn sách này. Phương pháp cụ thể là chỉ ý nghĩa thân Phật tướng hảo của Đức Phật A Di Đà (tướng bạch hào và các đặc tướng khác), được kết hợp với giáo lý của Thiên Thai để tạo ra một hình ảnh đặc biệt về thân Phật, trong khi đối với những chúng sanh không có khả năng hình dung ra thân Phật, phương pháp cứu độ là trì danh niệm Phật. Toàn bộ tư tưởng là cố gắng hợp nhất giáo lý Tịnh Độ với giáo lý Thiên Thai.

²¹ Nguyên Tín (源信, 942-1017): Là Cao Tăng Nhật Bản thuộc tông Thiên Thai, Tổ của dòng Huệ Tâm, thường gọi là Huệ Tâm Tăng Đô, người Đại Hòa (huyện Đại Lương). Sư lên núi Tỷ Duệ thờ Ngài Lương Nguyên làm Thầy, học rộng nhớ lâu, được nhiều người kính phục. Về sau, Sư sáng lập ra dòng Huệ Tâm rất có thế lực. Tác phẩm của Sư có đến hơn 70 bộ, 150 quyển, trong đó, nổi tiếng hơn cả là Nhất Thừa Yếu Quyết, Vãng Sinh Yếu Tập, Quán Tâm Lực Yếu Tập... đều được thu vào Huệ Tâm Tăng Đô toàn tập. Ngoài ra, trong những sách về mỹ thuật Tịnh độ giáo, tương truyền có rất nhiều tác phẩm của Sư, nhưng không có chứng cứ để khảo sát. Sư thị tịch vào niên hiệu Khoan Nhân năm đầu (1017) hưởng thọ 76 tuổi. Ngài Nguyên Tín được Tịnh độ Chân tông Nhật Bản tôn xưng là Đệ nhất Tổ. Tuy rằng thời gian kế tiếp cả hơn 200 năm sau mới có Đệ nhị Tổ là Ngài Pháp Nhiên ra đời.

²² Kinh Bồ Tát Xử Thai, quyển 3, phẩm 8: Bát chủng thân.

bằng bảy báu. Đưa mắt về phía Đông thì giường báu cũng chuyển theo, nhìn về phía Tây, Nam, Bắc đều cũng chuyển như vậy.] Tất cả chúng sinh đều phát tâm muốn sanh về cõi Phật A Di Đà, nhưng họ đều bị đắm nhiễm quốc độ Giải Mạn, không thể tiến lên để sanh về cõi Phật A Di Đà. Trong ức ngàn vạn người thì có một người sanh về cõi Phật A Di Đà, vì sao?’ Lấy kinh này làm chuẩn, thì là nạn có thể được sanh?

Đáp: Quần Nghi Luận²³ dẫn đoạn văn trước của Hòa thượng Thiện Đạo để giải thích nạn này, và hơn nữa, chính tác giả cũng nói thêm: Đoạn tiếp theo trong kinh nói, ‘Vì đều do họ giải đãi, ngã mạn, tâm không kiên định.’ Như vậy, người tập tu là người có quyết tâm yếu ớt, cho nên họ bị sanh vào nước Giải Mạn. Nếu không tập tu mà chuyên hành nghiệp này²⁴, thì tâm chí vững vàng, nhất định sẽ được sanh nước Cực Lạc. (...) Lại nữa, người sanh về Báo tịnh độ thì rất ít, người sanh về Hóa tịnh độ thì nhiều. Vì vậy, những lời dạy khác nhau trong kinh thật ra không trái ngược nhau.”²⁵

Với ý nghĩa của những đoạn văn trên, cho thấy thế nào là “Song thọ lâm hạ vãng sanh”, nên biết như vậy.

III. A Di Đà Kinh vãng sanh

²³ Tịnh Độ Quần Nghi Luận (淨土群疑論) : Cũng gọi Thích tịnh độ quần nghi luận, Quần nghi luận, Quyết nghi luận. Tác phẩm, 7 quyển, do ngài Hoài Cảm soạn vào đời Đường, được thu vào Đại chánh tạng tập 47. Mục đích của sách này là giải đáp những điều hồ nghi về việc vãng sinh Tịnh độ được nêu ra trong Nhiếp Luận, Tam giai giáo, Duy thức học,...từ các đời Trần, Tùy về sau; là bộ Bách khoa toàn thư của tông Tịnh độ đương thời. Cứ theo lời tựa ở đầu quyển do ngài Bình Xương Mạnh tiến soạn, khi bản thảo luận này vẫn chưa được soạn xong thì ngài Hoài Cảm đã thị tịch, về sau do đồng môn là ngài Hoài Uẩn tiếp tục bổ sung để hoàn thành. Về tên sách thì ở Trung quốc xưa nay thường gọi là Quần Nghi Luận, Tống Cao Tăng Truyện gọi là Quyết Nghi Luận, Thụy Ứng San Truyện gọi là Vãng Sinh Quyết Nghi Luận. Toàn sách gồm 116 chương, được viết theo hình thức hỏi đáp. Ngài Hoài Cảm vốn là học giả tông Pháp tướng, về sau, sư theo ngài Thiện Đạo tu hạnh niệm Phật, chứng được tam muội niệm Phật. Kiến giải trong sách này và thích nghĩa của ngài Thiện Đạo, từ xưa đã được gọi là thuyết Thập ngũ đồng thập tam dị. Chỗ đặc sắc của sách này là đứng trên quan điểm Duy thức để giải thích những điều nghi.

²⁴ Chuyên tu Tây phương Tịnh độ nghiệp.

²⁵ Tịnh Độ Quần Nghi Luận, No. 1960, quyển 4, tr. 50c06.

A Di Đà Kinh vãng sanh: Y theo thệ nguyện “Thực chư đức bản”, thệ nhập chân môn “Bát quả toại giả”²⁶, chọn lấy danh hiệu của ‘thiện bản đức bản’²⁷, gác lại thiếu thiện của ‘vạn thiện chư hành’.

Tuy nhiên, hành giả ‘định tán tự lực’ nghi hoặc và không tin nhận ‘Phật trí bất tư nghị’, dùng Như Lai tôn hiệu làm thiện căn chính mình, chính mình hồi hướng Tịnh độ, dựa vào thệ nguyện ‘quả toại’. Mặc dù xưng niệm ‘danh hiệu bất khả tư nghị’, vẫn còn nghi ngờ thệ nguyện đại bi ‘bất khả xưng, bất khả thuyết, bất khả tư nghị’. Đức Như Lai nói: *“Tội nghiệp sâu nặng, trôi buộc trong lao ngục bảy báu, khoảng năm trăm năm, thân không được tự tại, không thấy Tam bảo, không được cúng dường.”*²⁸ Nhưng nhờ xưng niệm ‘Như Lai tôn hiệu’ mà được sanh về Thai cung. Vì nương nhờ đức hiệu mà gọi là “Nan tư vãng sanh”²⁹. Do cái tội nghi hoặc ‘thệ nguyện bất khả tư nghị’, cho nên không nói “Nan tư nghị vãng sanh”, nên biết như vậy.

Đoạn văn “Thực chư đức bản nguyện” trong Đại Kinh ghi rằng:

²⁶ Thực chư đức bản nguyện (植諸德本願, Nguyên Trồng các đức bản), Hệ niệm định sinh nguyện (繫念定生願, Nguyên Buộc niệm chắc được sanh), Bát quả toại giả nguyện (不果遂者願, Nguyên Chẳng được thỏa nguyện), Chí tâm hồi hướng nguyện (至心回向願, Nguyên Chí tâm hồi hướng) đều chỉ cho nguyện thứ 20: *“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trông những cõi công đức, chí tâm hồi hướng muốn sinh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”*

²⁷ Giáo Hành Tín Chứng, Phương tiện hóa thân độ: “Thiện bản: là gia danh (嘉名, tên đẹp) của Như Lai. Gia danh ấy là vạn đức viên bị, là căn bản của tất cả thiện pháp, nên gọi là Thiện bản. Đức bản: là đức hiệu (德號, danh hiệu đủ vạn đức) của Như Lai. Đức hiệu ấy mà xưng niệm một tiếng thì chí chí đức thành mãn, các tội lỗi đều chuyển hóa, là căn bản của đức hiệu [chư Phật] mười phương ba đời, nên gọi là Đức bản.”

²⁸ Thất bảo ngục (七寶獄): Chỉ cho lao ngục có bảy thứ báu trang nghiêm. Nếu có người ngờ vực Phật trí, nhưng nhờ gốc lành của tự lực mà được sanh về cõi Giải nạn ở biên địa của thế giới Cực Lạc phương tây trong hình thức thai sanh, thì trong khoảng thời gian 500 năm không được thấy Tam bảo, không được thọ pháp lạc, giống như ở trong lao ngục được làm bằng 7 thứ báu. Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ (Đại 12, 278 trung) nói: “Thí như vua Chuyển Luân Thánh Vương có nhà ngục bảy báu trang nghiêm, trần thiết giường màn, treo phan kết tui. Nếu có hàng Tiểu vương tử mắc tội, bèn đem giam vào trong nhà ngục ấy trôi bằng dây xích vàng, cấp dưỡng đầy đủ đồ uống ăn mềm nệm hoa hương kỹ nhạc, đồng như Chuyển Luân Thánh Vương không để thiếu thốn một thứ gì.”

²⁹ Y theo nguyện thứ 20, bỏ các hạnh khác, chuyên cần tự lực niệm Phật, được vãng sanh tịnh độ, khoảng năm trăm năm, thai tạng nơi hoa sen, không thấy nghe Tam bảo, nên gọi là Nan tư vãng sanh, còn gọi là A Di Đà Kinh vãng sanh.

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trồng những cội công đức (đức bản), chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

Đồng bản dịch [với Đại Kinh], Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở vô lượng quốc độ, nghe nói danh hiệu của tôi, đem thiện căn của mình hồi hướng Cực Lạc, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Bồ đề.”

Thành tựu văn của nguyện [thứ 20] trong Đại Kinh nói:

“Loài thai sanh đó, ở nơi cung điện, rộng trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần, họ thọ hưởng mọi sự khoái lạc tự nhiên như trên cõi trời Đao Lợi vậy.

Lúc ấy Bồ tát Từ Thị bạch Đức Phật: Bạch đức Thế Tôn! Duyên có gì mà người nước An Lạc có thai sanh và hóa sinh?

Đức Phật dạy Từ Thị: Nếu có chúng sanh, với tâm nghi hoặc mà tu các công đức, nguyện sanh về nước kia, thì là không hiểu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Với những trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng còn biết tin tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh về nước An Lạc. Chúng sanh ấy sanh về nước An Lạc, ở trong cung điện kia, thọ năm trăm tuổi, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ tát và Thánh chúng Thanh văn. Vì thế nên quốc độ kia gọi là thai sanh.(...)

Di Lặc nên biết, bậc hóa sanh thì có trí tuệ rộng lớn, còn hạng thai sinh thì trí tuệ thấp kém. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Ví như Chuyển Luân Thánh Vương, có nhà tù bằng bảy thứ báu, trang hoàng đẹp đẽ, trần thiết giường mừng, treo các dây lọng. Nếu có hàng tiểu vương tử đắc tội với vua, liền bị giam vào trong đó, cột bằng khóa vàng. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Những chúng sanh này cũng lại như thế, vì nghi hoặc Phật trí mà sanh vào thai cung kia. (...) Nếu chúng sanh ấy, biết tội lỗi mình, rất tự hối trách, cầu rời chỗ ấy. (...)

Di Lặc nên biết! Có Bồ tát nào sanh lòng nghi hoặc đối với Phật trí thì mất lợi lớn.”

Lại nữa, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“Đức Phật bảo Di Lặc: Nếu có chúng sanh, thuận theo nghi hối, tích tập thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, bất tư nghị trí, vô đẳng trí, uy đức trí, quảng đại trí, nhưng với thiện căn của mình, không thể sanh tín. Vì nhân duyên ấy mà phải trú trong cung điện suốt năm trăm năm. (...)

A dật đa! Ông xem người thù thắng trí, họ nhờ quảng tuệ lực mà được hóa sinh ở nước Cực Lạc kia, ở trong hoa sen ngồi kiết già. Ông xem hạng hạ liệt (...) không biết tu tập các công đức, nên không có nhân lành phụng sự Đức Phật Vô Lượng Thọ. Những người này đều là do duyên xưa nghi hối mà được như thế. (...)

Đức Phật bảo Di Lặc: Đúng vậy, đúng vậy! Nếu có người thuận theo nghi hối, tích tập thiện căn, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, nhưng với thiện căn của mình, không thể sanh tín. Do nghe danh hiệu của Phật mà khởi tín tâm, dù sinh về nước kia vẫn ở trong hoa sen không được xuất hiện. Những chúng sanh ấy ở trong thai hoa mà tưởng như đang ở trong cung điện, hoa viên.”

Hòa thượng chùa Quang Minh (Thiền Đạo) giải thích rằng:

“[Tuy được vãng sanh] phải ẩn trong hoa chưa ra ngoài, hoặc sanh vào biên giới, hoặc đọa vào thai cung.”³⁰

Sư Cảnh Hưng nói:

“Do nghi ngờ Phật trí, tuy sanh về nước kia mà ở tại biên địa, không nhận sự Thánh hóa. Nếu bị thai sanh thì nên từ bỏ.”³¹

³⁰ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, quyển 3, tr. 264a14.

³¹ Vô Lượng Thọ Kinh Liên Nghĩa Thuật Văn Tán, quyển hạ, tr. 169c23.

Với ý nghĩa thực sự của những đoạn văn trên, cho thấy thế nào là “Nan tư vãng sanh”, nên biết như vậy.

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Khang Nguyên năm thứ hai (1257), ngày 2 tháng 3, biên chép xong

Ngu Ngốc Thân Loan

Lúc ấy 85 tuổi